



HỒ SƠ 01 - PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NSDP 5 NĂM 2021-2025
Quyết định số 94 /NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025			Vốn phân bổ chi tiết (nguồn thu sử dụng đất)
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Đã phân bổ, dự kiến phân bổ	Phân bổ và điều chỉnh tăng, giảm (-)	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh	Trong đó, đã dự kiến phân bổ	
			Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Tổng số					
A	B	I	2	3	4	5	6	7=4+6	
	TỔNG SỐ		1,453,068.901	1,041,018.901	1,662,761.383	1,103,967.374		1,662,761.383	
A	DỰ ÁN CẤP TỈNH ĐẦU TƯ		805,490.374	780,490.374	843,447.374	843,447.374	-62,957.000	780,490.374	
I	Dự án khởi công mới dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		460,269.374	435,269.374	473,447.374	473,447.374	-38,178.000	435,269.374	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương	80/NQ-HĐND; 18/10/2024	5,060.000	5,060.000	5,060.000	5,060.000		5,060.000	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương	81/NQ-HĐND; 18/10/2024	5,500.000	5,500.000	5,500.000	5,500.000		5,500.000	
3	Xây dựng mới trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương	142/QĐ-VKSTC, 25/12/2023; 130/QĐ-VKSTC, 15/10/2024	34,334.374	9,334.374	9,334.374	9,334.374		9,334.374	
4	Nâng cấp trường quay đa năng, thiết bị tổng khống chế và hệ thống máy dựng, thiết bị sản xuất chương trình	82/NQ-HĐND; 18/10/2024	64,113.000	64,113.000	64,113.000	64,113.000		64,113.000	
5	Đầu tư hệ thống truyền hình trực tuyến và trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đến các đơn vị thuộc quyền	83/NQ-HĐND; 18/10/2024	14,000.000	14,000.000	14,000.000	14,000.000		14,000.000	
6	Xây dựng phòng Hồ Chí Minh, nhà ăn và bếp, nhà kho và cải tạo, sửa chữa một số hạng mục thuộc Tiểu đoàn Bộ binh 2, Trung đoàn bộ binh 125, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hải Dương	84/NQ-HĐND; 18/10/2024	20,570.000	20,570.000	20,570.000	20,570.000		20,570.000	
7	Xây dựng trụ sở Hạt kiểm lâm thành phố Hải Dương	85/NQ-HĐND; 18/10/2024	4,800.000	4,800.000	4,800.000	4,800.000		4,800.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025			
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh	Đã phân bổ, dự kiến phân bổ		Phân bổ và điều chỉnh tăng, giảm (-)	Vốn phân bổ chi tiết (nguồn thu sử dụng đất)
			Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Tổng số		Tổng số	Trong đó, đã dự kiến phân bổ		
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4+6	
8	Xây dựng mới kho vật chứng Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương	79/NQ-HĐND; 18/10/2024	2,000.000	2,000.000	2,000.000	2,000.000		2,000.000	
9	Đầu tư xây dựng 10 trạm y tế cấp xã (Bao gồm: (1) Phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương; (2) Phường Chí Minh, thành phố Chí Linh; (3) Xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn; (4) Xã Tam Kỳ, huyện Kim Thành; (5) Xã Thanh Lang, huyện Thanh Hà; (6) Xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang; (7) Xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ; (8) Xã Đông Quang, huyện Gia Lộc; (9) Xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng; (10) Xã Thái Hòa, huyện Bình Giang)	86/NQ-HĐND; 18/10/2024	120,000.000	120,000.000	120,000.000	120,000.000		120,000.000	
10	Xây dựng, cải tạo Trường trung học phổ thông Nguyễn Du, Trường trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ, thành phố Hải Dương và Trường trung học phổ thông Chí Linh, thành phố Chí Linh	87/NQ-HĐND; 18/10/2024	101,070.000	101,070.000	101,070.000	101,070.000		101,070.000	
11	Cải tạo, sửa chữa, xây mới một số hạng mục công trình, bổ sung trang thiết bị, phương tiện cho Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương	88/NQ-HĐND; 18/10/2024	88,822.000	88,822.000	127,000.000	127,000.000	-38,178.000	88,822.000	
II	Dự án khởi công mới hoàn thành giai đoạn sau năm 2025		345,221.000	345,221.000	370,000.000	370,000.000	-24,779.000	345,221.000	
1	Đường gom dọc Quốc lộ 5 phải tuyến từ ngã tư Ghề đi Ngã tư Lai Cách (Km40+240-Km43+870) các đoạn còn lại và từ Khu đô thị thương mại Lai Cách đến hết Công ty giấy Cẩm Bình bên trái tuyến (Km44+205-Km44+795)	75/NQ-HĐND; 18/10/2024	345,221.000	345,221.000	370,000.000	370,000.000	-24,779.000	345,221.000	

STT	Danhs mục dự án	Quyết định chi trưong đầu tư				Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025			
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Trong đó, vốn NSĐP cấp tỉnh	Đã phân bổ, dự kiến phân bổ		Phân bổ và điều chỉnh tăng, giảm (-)	Vốn phân bổ chi tiết (nguồn thu sử dụng đất)
			Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Tổng số		Trong đó, đã dự kiến phân bổ			
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4+6	
B	HỖ TRỢ, BỔ SUNG CƠ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN		647,578.527	260,528.527	260,520.000	260,520.000		260,520.000	
I	Thành phố Hải Dương		647,578.527	260,528.527	260,520.000	260,520.000		260,520.000	
1.1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và GPMB khu trung tâm phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương – Khu vực 1	32/NQ-HĐND, 20/12/2022; 01/NQ-HĐND, 10/3/2023	543,850.000	156,800.000	156,800.000	156,800.000		156,800.000	
1.2	Đầu tư xây dựng tuyến đường nội bộ và GPMB khu đô thị trung tâm thành phố - Khu vực 2	35/NQ-HĐND, 27/10/2023	70,720.000	70,720.000	70,720.000	70,720.000		70,720.000	
1.3	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu đất công cộng (NVH-01) và giải phóng mặt bằng Khu nhà ở hỗn hợp cao tầng Ngô Quyền, phường Thanh Bình	14/NQ-HĐND, 26/5/2023; 20/NQ-HĐND, 19/7/2024	33,008.527	33,008.527	33,000.000	33,000.000		33,000.000	
C	PHÂN BỐ CHI TIẾT SAU				558,794.009		62,957.000	621,751.009	



QUYẾT ĐỊNH PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NSDP 5 NĂM 2021-2025

VỀ VIỆC ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN

(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Đã phân bổ, dự kiến phân bổ	Phân bổ và điều chỉnh tăng, giảm (-)	Kế hoạch vốn sau phân bổ và điều chỉnh (nguồn thu sử dụng đất)
			Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh			
A	B	1	2	3	4	5	6=4+5
	TỔNG SỐ		190,174.559	62,045.214	389,945.713		389,945.713
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		11,000.000	7,500.000	93,645.713		93,645.713
1.1	Phân bổ chi tiết		11,000.000	7,500.000		63,500.000	63,500.000
1	Huyện Nam Sách					5,000.000	5,000.000
(1)	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu					5,000.000	5,000.000
1.1	Xã Hợp Tiến	2261; 29/8/2024				2,000.000	2,000.000
1.2	Xã Phú Điền	2246; 29/8/2024				3,000.000	3,000.000
2	Huyện Kim Thành					12,000.000	12,000.000
(1)	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu					12,000.000	12,000.000
1.1	Xã Ngũ Phúc	2257; 29/8/2024				2,000.000	2,000.000
1.2	Xã Kim Xuyên	2256; 29/8/2024				2,000.000	2,000.000
1.3	Xã Kim Tân	2254; 29/8/2024				2,000.000	2,000.000
1.4	Xã Lai Vu	2248; 29/8/2024				3,000.000	3,000.000
1.5	Xã Cổ Dũng	2299; 30/8/2024				3,000.000	3,000.000
3	Huyện Thanh Hà		4,000.000	4,000.000		8,000.000	8,000.000
(1)	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu					4,000.000	4,000.000
1.1	Xã Thanh An	2252; 29/8/2024				2,000.000	2,000.000
1.2	Xã Thanh Lang	2253; 29/8/2024				2,000.000	2,000.000
(2)	Hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ hạng 3 thuộc địa bàn nông thôn		4,000.000	4,000.000		4,000.000	4,000.000
1.1	Cải tạo, nâng cấp Chợ Bầu xã Thanh Hồng, Chợ Liên Minh xã Thanh Lang, Chợ Sỏi xã An Phượng và Chợ Côm xã Tân Việt, huyện Thanh Hà	3360; 05/11/2024	4,000.000	4,000.000		4,000.000	4,000.000
4	Huyện Tứ Kỳ					5,000.000	5,000.000

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Đã phân bổ, dự kiến phân bổ	Phân bổ và điều chỉnh tăng, giảm (-)	Kế hoạch vốn sau phân bổ và điều chỉnh (nguồn thu sử dụng đất)
			Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh			
A	B	1	2	3	4	5	6=4+5
(1)	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu					5,000.000	5,000.000
1.1	Xã Quang Phục	2260; 29/8/2024				2,000.000	2,000.000
1.2	Xã Tân Kỳ	2247; 29/8/2024				3,000.000	3,000.000
5	Huyện Gia Lộc					12,000.000	12,000.000
(1)	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu					12,000.000	12,000.000
1.1	Xã Tân Tiến	2262; 29/8/2024				2,000.000	2,000.000
1.2	Xã Gia Tân	2250; 29/8/2024				2,000.000	2,000.000
1.3	Xã Hoàng Diệu	2251; 29/8/2024				2,000.000	2,000.000
1.4	Xã Thống Nhất	2239; 29/8/2024				3,000.000	3,000.000
1.5	Xã Phạm Trấn	2249; 29/8/2024				3,000.000	3,000.000
6	Huyện Thanh Miện		7,000.000	3,500.000		3,500.000	3,500.000
(1)	Hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ hạng 3 thuộc địa bàn nông thôn		7,000.000	3,500.000		3,500.000	3,500.000
1.1	Đầu tư xây dựng chợ Dao, xã Chi Lăng Nam	2165; 25/9/2024	3,000.000	1,500.000		1,500.000	1,500.000
1.2	Cải tạo, nâng cấp chợ Xá, xã Hồng Quang	2163; 20/9/2024	2,000.000	1,000.000		1,000.000	1,000.000
1.3	Cải tạo, nâng cấp chợ Chùa, xã Thanh Tùng	2166; 25/9/2024	2,000.000	1,000.000		1,000.000	1,000.000
7	Huyện Ninh Giang					3,000.000	3,000.000
(1)	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu					3,000.000	3,000.000
1.1	Xã Vĩnh Hòa	2243; 29/8/2024				3,000.000	3,000.000
8	Huyện Cẩm Giàng					15,000.000	15,000.000
(1)	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu					15,000.000	15,000.000
1.1	Xã Ngọc Liên	2255; 29/8/2024				2,000.000	2,000.000
1.2	Xã Cẩm Điền	2259; 29/8/2024				2,000.000	2,000.000
1.3	Xã Tân Trường	2258; 29/8/2024				2,000.000	2,000.000
1.4	Xã Cẩm Văn	2245; 29/8/2024				3,000.000	3,000.000
1.5	Xã Cẩm Đoài	2244; 29/8/2024				3,000.000	3,000.000
1.6	Xã Định Sơn	2300; 30/8/2024				3,000.000	3,000.000

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Đã phân bổ, dự kiến phân bổ	Phân bổ và điều chỉnh tăng, giảm (-)	Kế hoạch vốn sau phân bổ và điều chỉnh (nguồn thu sử dụng đất)
			Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh			
A	B	1	2	3	4	5	6=4+5
I.2	Phân bổ chi tiết sau				93,645.713	-63,500.000	30,145.713
II	Đề án Phát triển hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030		172,444.559	52,207.714	260,000.000		260,000.000
II.1	Phân bổ chi tiết		172,444.559	52,207.714		52,206.660	52,206.660
1	Thị xã Kinh Môn		53,975.483	18,990.898		18,990.000	18,990.000
1.1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Minh Hòa	1641; 04/11/2024	33,435.533	11,980.464		11,980.000	11,980.000
1.2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung phường Tân Dân	1666; 08/11/2024	20,539.950	7,010.434		7,010.000	7,010.000
2	Huyện Gia Lộc		40,864.305	16,425.660		16,425.660	16,425.660
1.1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Hoàng Diệu	2190; 24/9/2024	14,703.149	5,700.000		5,700.000	5,700.000
1.2	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Đồng Quang	2183; 23/9/2024	13,824.651	5,690.190		5,690.190	5,690.190
1.3	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Nhật Tân	2184; 23/9/2024	4,693.767	1,902.970		1,902.970	1,902.970
1.4	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Yết Kiêu	2191; 24/9/2024	7,642.738	3,132.500		3,132.500	3,132.500
3	Thành phố Hải Dương		77,604.771	16,791.156		16,791.000	16,791.000
1.1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ kết hợp phát triển du lịch phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương	14; 19/7/2024	45,672.685	13,791.156		13,791.000	13,791.000
1.2	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương	15; 19/7/2024	31,932.086	3,000.000		3,000.000	3,000.000
II.2	Phân bổ chi tiết sau				260,000.000	-52,206.660	207,793.340

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Đã phân bổ, dự kiến phân bổ	Phân bổ và điều chỉnh tăng, giảm (-)	Kế hoạch vốn sau phân bổ và điều chỉnh (nguồn thu sử dụng đất)
			Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh			
A	B	1	2	3	4	5	6=4+5
III	Đề án “Xây dựng, bổ sung phòng học thiếu tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025”		6,730.000	2,337.500	36,300.000		36,300.000
III.1	Phân bổ chi tiết		6,730.000	2,337.500		2,337.500	2,337.500
1	Huyện Thanh Hà		6,730.000	2,337.500		2,337.500	2,337.500
1.1	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng Trường Trung học cơ sở Thanh Hải, xã Thanh Hải	3111; 09/10/2024	6,730.000	2,337.500		2,337.500	2,337.500
III.2	Phân bổ chi tiết sau				36,300.000	-2,337.500	33,962.500



QUYẾT ĐỊNH SỐ 03 - ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NSDP NĂM 2024
(Số Quyết định: 03/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể	Quyết định				Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Vốn đã phân bổ	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, phân bổ						
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số				XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn			Tiền bảo vệ đất trồng lúa	
			Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh							Tổng số	Thu xố số kiến thiết	Tăng thu thường xuyên		
A	B	1	2	3	4	5	6=4+5	7	8	9	10	11			
	TỔNG SỐ		17,693,193.0	14,599,884.9	2,433,785.034		2,433,785.034	273,468.537	2,074,534.393	16,000.000	30,000.000	39,782.104			
A	DỰ ÁN CẤP TỈNH ĐẦU TƯ		14,933,059.1	12,375,475.8	1,993,590.734	-172,238.540	1,821,352.194	273,468.537	1,462,101.553	16,000.000	30,000.000	39,782.104			
I	Dự án giảm vốn		10,131,423.2	7,943,839.9	1,636,590.734	-571,757.896	1,064,832.838	141,170.237	838,880.497	15,000.000	30,000.000	39,782.104			
1	Đầu tư xây dựng Nhà lớp học bộ môn 03 tầng trường THPT Tuệ Tĩnh, huyện Cẩm Giàng	2476; 03/11/2023	18,061.9	18,061.9	16,000.000	-1,000.000	15,000.000			15,000.000					
2	Xây dựng Trường Trung cấp văn hóa, nghệ thuật và du lịch	2000; 31/7/2024	41,200.0	41,200.0	10,000.000	-7,000.000	3,000.000		3,000.000						
3	Tu bổ, nạo vét kênh dẫn nước tưới, tiêu và cải tạo, nâng cấp một số trạm bơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025	3140; 26/12/2023	167,698.8	167,698.8	60,000.000	-19,257.896	40,742.104		960.000			39,782.104			
4	Xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	1643, 03/6/2021; 2672, 04/10/2022	1,778,886.0	691,302.7	133,852.551	-40,000.000	93,852.551		93,852.551						
5	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 390 đoạn từ cầu Hốp Thanh đến cầu Quang Thanh	433; 17/3/2023	421,189.0	421,189.0	89,000.000	-10,000.000	79,000.000		79,000.000						
6	Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Hải Hưng kết nối tỉnh Hải Dương với tỉnh Hưng Yên	987; 23/4/2024	60,000.0	60,000.0	18,000.000	-8,500.000	9,500.000		9,500.000						
7	Xây dựng đường dẫn cầu Cây mới và đường 33m kéo dài (qua địa phận huyện Cẩm Giàng) nối đường Vũ Công Đán, thành phố Hải Dương	2475; 03/11/2023	469,478.0	469,478.0	49,000.000	-36,000.000	13,000.000		13,000.000						

STT		Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể		Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, phân bổ					Kế hoạch vốn năm 2024			
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Vốn đã phân bổ	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng số	Nguồn vốn				Tăng thu thường xuyên	Tiền bảo vệ đất trồng lúa
					Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh				XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thu xổ số kiến thiết	Tăng thu thường xuyên		
A	B	I	2	3	4	5	6=4+5	7	8	9	10	11			
8	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 394B, tỉnh Hải Dương (đoạn nối từ đường tỉnh 395 đến đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện)	1954; 31/7/2024	1,208,415.0	1,208,415.0	141,500,000	-30,000,000	111,500,000		111,500,000						
9	Đầu tư xây dựng nút giao liên thông kết nối Quốc lộ 17B với Quốc lộ 5, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, tỉnh Hải Dương	428; 26/02/2024	1,867,000.0	867,000.0	205,000,000	-140,500,000	64,500,000		64,500,000						
10	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 396 kéo dài (đoạn nối từ đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390)	1969; 15/9/2023	846,420.0	846,420.0	240,104.500	-30,000,000	210,104.500	141,170.237	68,934.263						
11	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 391 đoạn từ thành phố Hải Dương đến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	557; 31/3/2023	1,392,670.0	1,392,670.0	140,231,000	-69,000,000	71,231,000		71,231,000						
12	Đầu tư xây dựng cầu Tân An và đường dẫn nối Quốc lộ 18, thành phố Chí Linh	1654; 10/7/2024	600,000.0	600,000.0	180,000,000	-22,500,000	157,500,000		157,500,000						
13	Sửa chữa, cải tạo công trình Trụ sở Báo Hải Dương	424; 26/02/2024	14,303.1	14,303.1	13,000,000	-1,000,000	12,000,000		12,000,000						
14	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới Trung tâm dịch vụ việc làm - Giáo dục nghề nghiệp Hải Dương	1652; 10/7/2024	55,344.4	55,344.4	12,000,000	-9,000,000	3,000,000		3,000,000						
15	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (địa điểm mới)	394; 16/02/2024; 03; 01/03/2024	379,322.0	279,322.0	30,000,000	-10,000,000	20,000,000		20,000,000						
16	Khu chung cư Tạ Quang Bửu, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương	1244; 28/5/2024	292,301.0	292,301.0	85,000,000	-10,000,000	75,000,000		45,000,000		30,000,000				
17	Đầu tư xây dựng cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu, kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương	771; 24/6/2024	519,134.0	519,134.0	213,902.683	-128,000,000	85,902.683		85,902.683						

STT		Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể		Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, phân bổ					Tiền bảo vệ đất trồng lúa			
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Vốn đã phân bổ	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng số	Nguồn vốn				Tăng thu thường xuyên	
					Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh				XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thu số vốn kiến thiết	Tăng thu thường xuyên		
A	B	I	2	3	4	5	6=4+5	7	8	9	10	11			
II	Dự án bổ sung vốn		4,801,636.0	4,431,636.0	357,000.000	399,519,356	756,519,356	132,298.300	623,221.056	1,000.000					
III.1	Dự án đã bỏ trí vốn		2,300,786.1	1,930,786.1	357,000.000	273,655.356	630,655.356	132,298.300	498,357.056						
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường và cầu Vạm kết nối Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh với đường dẫn cầu Triều, thị xã Kinh Môn	1656; 10/7/2024	1,296,200.0	1,296,200.0	82,000.000	196,026.000	278,026.000	44,900.000	233,126.000						
2	Cải tạo, chỉnh trang hệ thống điện chiếu sáng, chiếu sáng mỹ thuật, cây xanh, vỉa hè đường Trường Chinh, đại lộ Võ Nguyên Giáp trên địa bàn thành phố Hải Dương và huyện Gia Lộc	972; 22/4/2024	88,565.0	88,565.0	30,000.000	1,000.000	31,000.000		31,000.000						
3	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện phổi Hải Dương - Hạng mục: Nhà điều trị bệnh nhân lao phổi AFB, lao ngoài phổi và lao/HIV (khoa hồi sức cấp cứu); Nhà hộ hấp cấp cứu 02 tầng (khoa ung bướu) và Nhà điều trị lao phổi A	1245; 28/5/2024	9,157.2	9,157.2	5,000.000	1,000.000	6,000.000		6,000.000						
4	Xây dựng tuyến đường kết nối đường tỉnh 398B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 345 (tỉnh Quảng Ninh), thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2239; 03/7/2019	46,452.7	46,452.7		310.000	310.000		310.000						
5	Xây dựng trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn I)	161; 03/11/2023	112,000.0	112,000.0	40,000.000	15,000.000	55,000.000		55,000.000						
6	Xây dựng trụ sở Công an tỉnh (địa điểm mới)	2373; 12/4/2024	740,000.0	370,000.0	200,000.000	60,000.000	260,000.000	87,398.300	172,601.700						
7	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2849; 26/10/2022	8,411.2	8,411.2		319,356	319,356		319,356						

Kế hoạch vốn năm 2024															
STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể	Quyết định đầu tư				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Vốn đã phân bổ	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng số	Nguồn vốn			
		Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh	XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất		Thu xổ số kiến thiết	Tăng thu thường xuyên				Tiền bảo vệ đất trồng lúa			
A	B	I	2	3	4	5	6=4+5	7	8	9	10	11			
II.2	Bổ sung danh mục khởi công mới		2,500,849.9	2,500,849.9		125,864.000	125,864.000		124,864.000	1,000.000					
1	Đường tránh Quốc lộ 37 đoạn qua thị trấn Gia Lộc (đoạn nối cầu Thống Nhất/Quốc lộ 37 với đường vành đai I thành phố Hải Dương)	2980; 11/11/2024	612.159.9	612.159.9		31.000.000	31.000.000		31.000.000						
2	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Quốc lộ 17B với cầu Đinh, thị xã Kinh Môn	2900; 05/11/2024	248.000.0	248.000.0		25.000.000	25.000.000		25.000.000						
3	Đầu tư xây dựng đường vành đai I thành phố Hải Dương, đoạn từ đường 62m (Đại lộ Võ Nguyên Giáp) đến Khu công nghiệp Đại An mở rộng	2901; 05/11/2024	436.300.0	436.300.0		30.000.000	30.000.000		30.000.000						
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 17B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 352 (thành phố Hải Phòng) đoạn từ Quốc lộ 17B đến đê sông Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn	2987; 12/11/2024	785.133.0	785.133.0		35.000.000	35.000.000		35.000.000						
5	Xây dựng mới nhà lớp học, nhà hiệu bộ; cải tạo nhà lớp học cũ trường THPT Bình Giang, huyện Bình Giang	2706; 18/10/2024	67.007.0	67.007.0		800.000	800.000		800.000	800.000					
6	Xây dựng nhà khoa nhi, khoa ngoại, khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản, khoa nội và hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Giang	2700; 18/10/2024	95.000.0	95.000.0		700.000	700.000		500.000	200.000					
7	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 393, đoạn từ km10+180-km20+050 (đoạn từ công Ba Đa đến cầu Từ Ông)	2988; 12/11/2024	176.000.0	176.000.0		2.200.000	2.200.000		2.200.000						
8	Cải tạo Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Hải Dương	3797; 31/10/2024	50.000.0	50.000.0		464.000	464.000		464.000						

Kế hoạch vốn năm 2024													
STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể	Quyết định đầu tư				Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng số	Nguồn vốn				Tăng thu thường xuyên	Tiền bảo vệ đất trồng lúa
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư	Vốn đã phân bổ			XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thu xổ số kiến thiết	Tăng thu thường xuyên		
A	B	I	2	3	4	5	6=4+5	7	8	9	10	11	
9	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đăng tỉnh Hải Dương năm 2024, 2025	2931; 08/11/2024	31,250.0	31,250.0		700.000	700.000		700.000				
III	Dự án điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn		239,631.9	239,631.9	90,000.000		90,000.000	80,000.000	10,000.000				
1	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Phụ sản Hải Dương giai đoạn II (Khởi đầu điều trị nội trú và dịch vụ tổng hợp)	112; 18/01/2023	239,631.9	239,631.9	90,000.000		90,000.000	80,000.000	10,000.000				
B	HỖ TRỢ, BỔ SUNG CƠ CẤU TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN		2,760,133.9	2,224,409.1	440,194.300	172,238.540	612,432.840		612,432.840				
	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu					56,000.000	56,000.000		56,000.000				
	Đề án Phát triển hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030					23,368.000	23,368.000		23,368.000				
	Xây dựng, bổ sung phòng học thiếu tại các cơ sở giáo dục				7,590.000	-5,252.500	2,337.500		2,337.500				
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ hạng 3 thuộc địa bàn nông thôn					7,500.000	7,500.000		7,500.000				
	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc công an cấp xã				14,500.000	14,400.000	28,900.000		28,900.000				
	Hỗ trợ dự án khác				418,104.300	76,223.040	494,327.340		494,327.340				
I	Thành phố Chí Linh		14,880.0	7,590.0	7,590.000	-7,590.000							

STT		Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể		Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, phân bổ					Nguồn vốn		
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Vốn đã phân bổ	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng số	XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thu xổ số kiến thiết	Tăng thu thường xuyên	Tiền bảo vệ đất trồng lúa
					Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh								
A	B	I	2	3	4	5	6=4+5	7	8	9	10	11		
(1)	Xây dựng, bổ sung phòng học thiếu tại các cơ sở giáo dục		14,880.0	7,590.0	7,590.000	-7,590.000								
1	Xây dựng trường mầm non Hoàng Tân - Hạng mục Nhà lớp học 12 phòng	4057; 08/12/2023	14,880.0	7,590.0	7,590.000	-7,590.000								
II	Huyện Nam Sách					5,000.000	5,000.000		5,000.000					
(1)	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu					5,000.000	5,000.000		5,000.000					
1.1	Xã Hợp Tiến					2,000.000	2,000.000		2,000.000					
1.2	Xã Phú Điền					3,000.000	3,000.000		3,000.000					
III	Thị xã Kinh Môn		53,975.5	18,990.9		6,668.000	6,668.000		6,668.000					
(1)	Đề án Phát triển hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030		53,975.5	18,990.9		6,668.000	6,668.000		6,668.000					
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Minh Hòa	1641; 04/11/2024	33,435.5	11,980.5		4,298.000	4,298.000		4,298.000					
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung phường Tân Dân	1666; 08/11/2024	20,540.0	7,010.4		2,370.000	2,370.000		2,370.000					
IV	Huyện Kim Thành					12,000.000	12,000.000		12,000.000					
(1)	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu					12,000.000	12,000.000		12,000.000					
1.1	Xã Ngũ Phúc					2,000.000	2,000.000		2,000.000					
1.2	Xã Kim Xuyên					2,000.000	2,000.000		2,000.000					
1.3	Xã Kim Tân					2,000.000	2,000.000		2,000.000					
1.4	Xã Lai Vu					3,000.000	3,000.000		3,000.000					
1.5	Xã Cổ Dũng					3,000.000	3,000.000		3,000.000					

Kế hoạch vốn năm 2024													
STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể	Quyết định đầu tư				Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng số	Nguồn vốn				Tăng thu thường xuyên	Tiền bảo vệ đất trồng lúa
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Vốn đã phân bổ	Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)			Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh	XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thu xổ số kiến thiết		
A	B	I	2	3	4	5	6=4+5	7	8	9	10	11	
V	Huyện Thanh Hà		20.655.0	12.669.0	2.500.000	8.237.500	10.737.500		10.737.500				
(1)	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu					4.000.000	4.000.000		4.000.000				
1.1	Xã Thanh An					2.000.000	2.000.000		2.000.000				
1.2	Xã Thanh Lạng					2.000.000	2.000.000		2.000.000				
(2)	Hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ hạng 3 thuộc địa bàn nông thôn		4.000.0	4.000.0		4.000.000	4.000.000		4.000.000				
1.1	Cải tạo, nâng cấp Chợ Bàu xã Thanh Hồng, Chợ Liên Minh xã Thanh Lạng, Chợ Soi xã An Phượng và Chợ Côm xã Tân Việt, huyện Thanh Hà	3360; 05/11/2024	4.000.0	4.000.0		4.000.000	4.000.000		4.000.000				
(3)	Xây dựng, bổ sung phòng học thiếu tại các cơ sở giáo dục		6.730.0	2.337.5		2.337.500	2.337.500		2.337.500				
1.1	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng Trường Trung học cơ sở Thanh Hải, xã Thanh Hải	3111; 09/10/2024	6.730.0	2.337.5		2.337.500	2.337.500		2.337.500				
(4)	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc công an cấp xã		9.925.0	6.331.5	2.500.000	-2.100.000	400.000		400.000				
1.1	Trụ sở nhà làm việc công an xã Thanh Sơn	29; 18/9/2024	9.925.0	6.331.5	2.500.000	-2.100.000	400.000		400.000				
VI	Huyện Tứ Kỳ					5.000.000	5.000.000		5.000.000				
1.1	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu					5.000.000	5.000.000		5.000.000				
1.1	Xã Quang Phục					2.000.000	2.000.000		2.000.000				
1.2	Xã Tân Kỳ					3.000.000	3.000.000		3.000.000				
VII	Huyện Gia Lộc		79.356.3	45.255.7	12.000.000	38.200.000	50.200.000		50.200.000				

STT		Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể		Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, phân bổ						
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Vốn đã phân bổ	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng số	Nguồn vốn			
					Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh				XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thu số vốn kiến thiết	Tăng thu thường xuyên
1	2	3	4	5	6=4+5	7	8	9	10	11			
A	B	I											
(1)	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu												
1.1	Xã Tân Tiến												
1.2	Xã Gia Tân												
1.3	Xã Hoàng Diệu												
1.4	Xã Thông Nhất												
1.5	Xã Phạm Trần												
(2)	Đề án Phát triển hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030		40,864.3	16,425.7			9,700.000						
1.1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Hoàng Diệu	2190; 24/9/2024	14,703.1	5,700.0			5,000.000						
1.2	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Đồng Quang	2183; 23/9/2024	13,824.7	5,690.2			2,700.000						
1.3	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Nhật Tân	2184; 23/9/2024	4,693.8	1,903.0			1,000.000						
1.4	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Yên Kiều	2191; 24/9/2024	7,642.7	3,132.5			1,000.000						
(3)	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc công an cấp xã		38,492.0	28,830.0	12,000.000	16,500.000	28,500.000						
1	Trụ sở làm việc Công an xã Thông Nhất	37; 31/7/2024	8,442.0	6,330.0	2,000.000	4,200.000	6,200.000						
2	Trụ sở làm việc Công an xã Hoàng Diệu	38; 31/7/2024	6,010.0	4,500.0	2,000.000	2,300.000	4,300.000						
3	Trụ sở làm việc Công an xã Lê Lợi	39; 31/7/2024	6,010.0	4,500.0	2,000.000	2,500.000	4,500.000						

STT		Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể		Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, phân bổ					Tiền bảo vệ đất trồng lúa	
							Nguồn vốn						
							Tổng số	XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thu xổ số kiến thiết	Tăng thu thường xuyên		
Số Quyết định; ngày, tháng, năm		Tổng mức đầu tư		Vốn đã phân bổ	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng số	XDCB tập trung	8	9	10	11		
Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh	6=4+5	7										
A	B	I	2	3	4	5	7	8	9	10	11		
4	Nhà làm việc Công an xã Phạm Trấn	40; 31/7/2024	6,010.0	4,500.0	2,000.000	2,500.000		4,500.000					
5	Nhà làm việc Công an xã Thông Khê	41; 31/7/2024	6,010.0	4,500.0	2,000.000	2,500.000		4,500.000					
6	Trụ sở làm việc Công an xã Hồng Hưng	42; 31/7/2024	6,010.0	4,500.0	2,000.000	2,500.000		4,500.000					
VIII	Huyện Thanh Miện		7,000.0	3,500.0		3,500.000		3,500.000					
(1)	Hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ hạng 3 thuộc địa bàn nông thôn		7,000.0	3,500.0		3,500.000		3,500.000					
1.1	Đầu tư xây dựng chợ Dao, xã Chi Lăng Nam	2165; 25/9/2024	3,000.0	1,500.0		1,500.000		1,500.000					
1.2	Cải tạo, nâng cấp chợ Xá, xã Hồng Quang	2163; 20/9/2024	2,000.0	1,000.0		1,000.000		1,000.000					
1.3	Cải tạo, nâng cấp chợ Chùa, xã Thanh Tùng	2166; 25/9/2024	2,000.0	1,000.0		1,000.000		1,000.000					
IX	Huyện Ninh Giang												
(1)	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu												
1.1	Xã Vinh Hoa							3,000.000					
X	Huyện Bình Giang		817,120.0	817,120.0	100,000.000	83,795.040		183,795.040					
(1)	Hỗ trợ dự án khác		817,120.0	817,120.0	100,000.000	83,795.040		183,795.040					
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 395 (Đoạn từ Km16+750-Km23+920) và đường dẫn cầu Cây đến đường tỉnh 394	934; 9/6/2023	817,120.0	817,120.0	100,000.000	83,795.040		183,795.040					
XI	Huyện Cẩm Giàng												
(1)	Hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu												
1.1	Xã Ngọc Liên					2,000.000		2,000.000					
1.2	Xã Cẩm Điền					2,000.000		2,000.000					

Kế hoạch vốn năm 2024												
STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể	Quyết định đầu tư			Vốn đã phân bổ	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng số	Nguồn vốn				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số (từ tất cả các nguồn vốn)				Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh	XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thu xổ số kiến thiết	Tăng thu thường xuyên
A	B	I	2	3	4	5	6=4+5	7	8	9	10	11
1.3	Xã Tân Trường					2,000,000	2,000,000		2,000,000			
1.4	Xã Cẩm Văn					3,000,000	3,000,000		3,000,000			
1.5	Xã Cẩm Đoài					3,000,000	3,000,000		3,000,000			
1.6	Xã Định Sơn					3,000,000	3,000,000		3,000,000			
XII	Thành phố Hải Dương		1,767,147.1	1,319,283.5	318,104.300	-572.000	317,532.300		317,532.300			
(1)	<i>Đề án Phát triển hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030</i>		77,604.8	16,791.2		7,000,000	7,000,000		7,000,000			
1.1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ kết hợp phát triển du lịch phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương	3974; 03/10/2024	45,672.7	13,791.2		4,000,000	4,000,000		4,000,000			
1.2	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương	3975; 03/10/2024	31,932.1	3,000.0		3,000,000	3,000,000		3,000,000			
(1)	<i>Hỗ trợ dự án khác</i>		1,689,542.4	1,302,492.4	318,104.300	-7,572,000	310,532,300		310,532,300			
1	Cải tạo, mở rộng đường Vũ Công Đán, thành phố Hải Dương		1,042,000.0	1,042,000.0	318,104.300	-63,850,000	254,254,300		254,254,300			
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và GPMB khu trung tâm phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương – Khu vực I	1089, 12/4/2023	543,850.0	156,800.0		12,836,000	12,836,000		12,836,000			
3	Dầu tư xây dựng tuyến đường nội bộ và GPMB khu đô thị trung tâm thành phố - Khu vực 2	4093; 30/11/2023	70,720.0	70,720.0		30,000,000	30,000,000		30,000,000			

		Kế hoạch vốn năm 2024										
STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ cụ thể	Quyết định đầu tư			Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Vốn đã phân bổ	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, phân bổ					Tiền bảo vệ đất trồng lúa
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Thu xổ số kiến thiết	Tăng thu thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6=4+5	7	8	9	10	11
4	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu đất công cộng (NVH-01) và giải phóng mặt bằng Khu nhà ở hỗn hợp cao tầng Ngõ Quyền, phường Thanh Bình	2292, 11/7/2023	32,972.4	32,972.4		13,442.000	13,442.000		13,442.000			